

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN BDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/02/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3	7:25	19	0		19	0	EC
2		TD5+VSP01	7:25	15+7	0+0		15+6	0+0	Mi
3		VSP02+TD5	9:25	9+10	0+0		5+14	0+0	EC
4		RP2+RP3+P2	9:25	11+9+0	0+0		2+8+4	0+0	Mi
5		P10+BK10+RP1	11:25	9+5+4	0+0+0		0+0+4	0+0+0	EC

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/02/2025	TO: TD3	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LTUÂN - MẠNH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HAI	TD3	07	1	10	1	20	79	KHOAN	Vietnamese
2	OLEINIK IVAN	TD3	08	1	4			73	KHOAN	Russian
3	TRẦN HỮU THỌ	TD3	09	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
4	CHU VĂN THẮNG	TD3	04-05	2	17			69	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM HUNG DUONG	TD3	03	1	4			98	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	13-14	2	8			71	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	22-23	2	20			57	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ANH	TD3	15	1	12			84	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN NAM CUÔNG	TD3	12	1	7			86	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TIẾN DUNG	TD3						75	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ MẠNH THẮNG	TD3						71	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM DUONG HAI	TD3	19	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUANG HUNG	TD3	20	1	10			79	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	06	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
15	LẠI CAO THANH	TD3	10-11	2	22			66	KHOAN	Vietnamese
16	MAI HUY TU	TD3	21	1	11			63	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN TẤT LỘC	TD3	01	1	5			58	PSV	Vietnamese
18	PHẠM VĂN TUÔNG	TD3	02	1	7			82	PSV	Vietnamese
19	BUI HAI THANH	TD3	16-17	2	12			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	19	1.391	22	165	1	20	19		
TOTAL		19	1.391	22	165	1	20	19		
WEIGHT KG			1.391		165		20			

GRAND TOAL: 1.576 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/02/2025		TO: TD5 - VSP01			AIRCRAFT: 406			ETD: 07:30		
FLIGHT: 02		FROM: VT			CREW: HUNG - NPHÚ - NNAM			ETA: 09:20		
XANH-1										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU MẠNH THĂNG	TD5	86	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
2	ASKAROV DENIS	TD5	88	1	8			88	KHOAN	Russian
3	NGUYEN TAN TAI	TD5	87	1	6	3	50	69	KHOAN	Vietnamese
4	BAO NGUYEN LỘC	TD5	85	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HOA	TD5	75	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
6	VUONG ĐỨC ANH	TD5	84	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO VĂN MẠO	TD5	81-82	2	9			73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	76	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
9	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	83	1	5			92	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ LONG PHI	TD5	80	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	77-78	2	19			78	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM DANG KHOI	TD5	89	1	8			90	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG CƯỜNG	TD5	79	1	10			78	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC HUY	VSP01	79	1	17	1	11	65	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN THÈ HOANG	VSP01	85-86	2	20			98	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MINH	VSP01	81	1	11			85	T-TIN	Vietnamese
17	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	83	1	4			71	PSV	Vietnamese
18	THAI VIỆT PHI	VSP01	84	1	5			67	PSV	Vietnamese
19	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	78	1	5			66	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÊ	VSP01	82	1	7			79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	13	1.010	15	100	3	50	15		
2	VSP01	7	531	8	69	1	11	6		
TOTAL		20	1.541	23	169	4	61	21		
WEIGHT KG			1.541		169		61			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/02/2025	TO: VSP02 - TD5	AIRCRAFT: 619	ETD: 09:55
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LTUẤN - ĐTRUNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO ĐẮC DÂN	VSP02	01-02	2	20			70	CODIEN	Vietnamese
2	VÕ TIẾN PHỤNG	VSP02	48-49	2	15			73	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN THANH	VSP02	43-45	3	14			63	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	VSP02	41-42	2	16			52	CODIEN	Vietnamese
5	VÕ XUÂN TOÀN	VSP02	600	1	5			80	PSV	Vietnamese
6	LÊ ĐĂNG KHOA	VSP02	47	1	6			68	PSV	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN TRUNG	VSP02	40	1	4			84	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KHUÔNG	VSP02	599	1	10	2	40	58	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HUƠNG	VSP02	46	1	7			65	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	94	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY MINH	TD5	97-98	2	18			97	SCHLUMBE	Vietnamese
12	KHÚC THAI HOA	TD5	195	1	15			63	KHOAN	Vietnamese
13	LƯƠNG NGỌC HOÀNG	TD5	31-32	2	12			70	DVL	Vietnamese
14	PHẠM QUANG HUY	TD5	500	1	2			65	PSV	Vietnamese
15	HOÀNG GIANG LAM	TD5	29-30	2	8			81	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN VINH	TD5	95	1	2			65	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN LỢI	TD5	499	1	5			54	PSV	Vietnamese
18	LÊ QUANG VINH	TD5	93	1	3			67	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	TD5	96	1	7			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP02	9	613	14	97	2	40	5		
2	TD5	10	701	13	79	0	0	14		
TOTAL		19	1.314	27	176	2	40	19		
WEIGHT KG			1.314		176		40			

GRAND TOAL: 1.530 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/02/2025	TO: RP3 - RP2 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - NPHU - NNAM	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG DINH CHIEN	RP3	60	1	7			66	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN DUC HUNG	RP3	64	1	5			78	PSV	Vietnamese
3	DOAN VAN AN	RP3	66	1	7			69	PSV	Vietnamese
4	TRAN BA MAU	RP3	61	1	3			68	PSV	Vietnamese
5	VU HONG QUANG	RP3	62	1	7	3	50	77	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN HIEU	RP3	65	1	7			57	PSV	Vietnamese
7	DOAN TUAN ANH	RP3	63	1	9			64	PSV	Vietnamese
8	DOAN CHI TAI	RP3	59	1	6			80	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG DUC	RP3	57-58	2	10			68	PSV	Vietnamese
10	DOAN VAN MUOI	RP2	86	1	14			63	KHOAN	Vietnamese
11	MAI TUAN KIET	RP2	87	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN NAM THANG	RP2	95	1	14	1	18	103	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM TRUNG HIEU	RP2	84-85	2	20	1	4	74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DAI KHOA	RP2	96	1	15			72	KH-THAC	Vietnamese
15	DO VAN TRUONG	RP2	92,66	2	18			62	KH-THAC	Vietnamese
16	HO NGOC BEN	RP2	89	1	13	5	100	73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN GIA CUONG	RP2	94	1	12			67	KH-THAC	Vietnamese
18	VU THAI THANH	RP2	97-98	2	18			77	KH-THAC	Vietnamese
19	VU MINH TUNG	RP2	90	1	14			71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TINH	RP2	88	1	8			63	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	9	627	10	61	3	50	8		
2	RP2	11	803	14	153	7	122	2		
3	P2	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	1.430	24	214	10	172	14		
WEIGHT KG			1.430		214		172			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/02/2025		TO: P10 - BK10 - RP1			AIRCRAFT: 619			ETD: 12:15		
FLIGHT: 05		FROM: VT			CREW: LTUÂN - ĐTRUNG			ETA: 14:05		
CAM-3										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOÀNG ĐỨC NIÊN	P10	60	1	6			62	ĐANG KIEM	Vietnamese
2	TRẦN TIẾN ĐẠT	P10	61	1	8			67	ĐANG KIEM	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC TUẤN	P10	58-59	2	18			78	CHI CỤC Đ	Vietnamese
4	NGUYỄN CẢNH TÂN	P10	62-63	2	14			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐIỆP	P10	57	1	4			78	NIPI	Vietnamese
6	LÊ VĂN THÔNG	P10	56	1	11			73	XAYLAP	Vietnamese
7	HÀ THAI QUỐC	P10	55	1	5			70	XAYLAP	Vietnamese
8	VU TRẦN TRUNG	BK10	30	1	7	5	40	72	CODIEN	Vietnamese
9	ĐANG TIẾN TOÀN	BK10	27	1	13			71	CODIEN	Vietnamese
10	PHẠM HOÀNG	BK10	32-33	2	13			62	CODIEN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN MẠNH	BK10	28-29	2	6			77	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU NHAN	BK10	26	1	6			69	PSV	Vietnamese
13	HÀ QUỐC VINH	RP1	08	1	6			70	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN KHANH CHÂN	RP1						61	PSV	Vietnamese
15	LÊ VĂN QUY	RP1	10	1	9	2	16	78	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HUÂN	RP1	09	1	3			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	7	499	9	66	0	0	0		
2	BK10	5	351	7	45	5	40	0		
3	RP1	4	282	3	18	2	16	4		
TOTAL		16	1.132	19	129	7	56	4		
WEIGHT KG			1.132		129		56			

GRAND TOAL: 1.317 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/02/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+TD2	7:25	15+3	0+0		0+8	0+0	EC

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/02/2025	TO: P5 - TD2	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LTUẤN - XTRƯỜNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN PHÚ	P5	99,700	2	16	1	7	77	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN BA SƠN	P5	93	1	9	1	12	65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐOÀN HÀ	P5	70,49	2	17			88	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC THAI	P5	96,98	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẠO NGUYỄN DU MẠC	P5	97	1	16	1	16	64	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN PHƯƠNG	P5	50-51	2	18			66	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN HÙNG LONG	P5	53-54	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN VIỆT	P5	91	1	7	1	14	68	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN SỸ ANH TỬ	P5	56	1	14	1	12	70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU THỌ	P5	52	1	14	1	12	77	XAYLAP	Vietnamese
11	LE MINH SỸ	P5	95	1	14			78	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN PHÚ	P5	90	1	12			68	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG TRUNG	P5	89	1	10			78	CODIEN	Vietnamese
14	BUI VAN LONG	P5	55	1	3			71	PETROSETC	Vietnamese
15	VŨ ANH TUẤN	TD2	72-73	2	14			68	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD2	74-75	2	17			65	NHATHAU	Vietnamese
17	PHAN NHẬT MINH	TD2	71	1	4			80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P5	14	1.007	19	188	6	73	0		
2	TD2	3	213	5	35	0	0	8		
TOTAL		17	1.220	24	223	6	73	8		
WEIGHT KG			1.220		223		73			

GRAND TOAL: 1.516 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN